

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2674/TGD-NHCT-KDVTT2

V/v: Công bố thông tin về tình hình thanh
toán gốc, lãi

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100111948
- Ngày cấp: đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024
- Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại: 024.3941 6397 Số fax giao dịch: 024.3941 6431
Địa chỉ thư điện tử: Contact@vietinbank.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động chính của Vietinbank là thực hiện các nghiệp vụ
 - Huy động vốn:** Nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá, vay vốn của các TCTD, NHNN.
 - Cấp tín dụng:** Cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước, các hình thức cấp tín dụng khác theo quy



W

định của pháp luật.

3. **Cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:** Mở tài khoản, cung ứng các phương tiện thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, các dịch vụ thanh toán khác do pháp luật quy định.
 4. **Cung ứng dịch vụ ngoại hối:** trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật.
 5. **Cung ứng các sản phẩm phái sinh lãi suất**
 6. **Cung ứng dịch vụ lưu ký chứng khoán**
- Và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Mã số thuế: 0100111948

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: đề nghị báo cáo đối với tất cả các trái phiếu đang còn dư nợ tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo (không bao gồm các thanh toán về mua lại/hoán đổi/chuyển đổi trái phiếu). Cụ thể:

- a) Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ
 - Kỳ báo cáo: năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)
 - Ngày thông kê: 31/12/2025 (Ngày kết thúc kỳ báo cáo)
 - Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thông kê (đồng)	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) *	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) *
1	CTG152501_T2	450.000.000.000	-	Lãi	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	7,90%	35.647.397.260,00	35.647.397.260
2	CTG152501_T2	450.000.000.000	-	Gốc	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	7,90%	450.000.000.000,00	450.000.000.000
3	CTG1833T2/03	180.000.000.000	180.000.000.000	Lãi	21/06/2025	23/06/2025	23/06/2025	5,775%	10.395.000.000	10.395.000.000
4	CTG1833T2/04	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	01/11/2025	03/11/2025	03/11/2025	5,78%	5.775.000.000	5.775.000.000
5	CTG1934T2/RL01	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	30/07/2025	30/07/2025	30/07/2025	8,20%	4.100.000.000	4.100.000.000
6	CTG2035T2/RL01	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	22/05/2025	22/05/2025	22/05/2025	5,875%	2.937.500.000	2.937.500.000
7	CTG2035T2/RL03	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	08/07/2025	08/07/2025	08/07/2025	7,85%	39.250.000.000	39.250.000.000

W

8	CTG2035T2/RL04	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	04/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	7,85%	3.925.000.000	3.925.000.000
9	CTG2035T2/RL05	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	04/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	7,85%	3.925.000.000	3.925.000.000
10	CTGH2136002	85.000.000.000	85.000.000.000	Lãi	10/05/2025	12/05/2025	12/05/2025	12/05/2025	6,70%	5.695.000.000	5.695.000.000
11	CTGL2136004	700.000.000.000	700.000.000.000	Lãi	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	6,75%	47.250.000.000	47.250.000.000
12	CTGL2136005	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	6,70%	3.350.000.000	3.350.000.000
13	CTGL2136006	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	6,70%	6.700.000.000	6.700.000.000
14	CTGH2131007	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	5,68%	56.800.000.000	56.800.000.000
15	CTGL2136015	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	17/09/2025	17/09/2025	17/09/2025	17/09/2025	6,70%	3.350.000.000	3.350.000.000
16	CTGL2136017	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	14/10/2025	14/10/2025	14/10/2025	14/10/2025	6,70%	3.350.000.000	3.350.000.000
17	CTGL2136020	140.000.000.000	140.000.000.000	Lãi	29/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	01/12/2025	6,50%	9.100.000.000	9.100.000.000
18	CTGL2237001	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	03/06/2025	03/06/2025	03/06/2025	03/06/2025	5,88%	5.880.000.000	5.880.000.000
19	CTGL2237002	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	24/06/2025	24/06/2025	24/06/2025	24/06/2025	6,80%	13.600.000.000	13.600.000.000
20	CTGL2230003	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	Lãi	29/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	5,58%	66.960.000.000	66.960.000.000
21	CTGL2230004	195.000.000.000	195.000.000.000	Lãi	07/07/2025	07/07/2025	07/07/2025	07/07/2025	5,58%	10.881.000.000	10.881.000.000
22	CTGL2230005	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	19/07/2025	21/07/2025	21/07/2025	21/07/2025	5,58%	2.790.000.000	2.790.000.000
23	CTGL2237006	185.000.000.000	185.000.000.000	Lãi	21/07/2025	21/07/2025	21/07/2025	21/07/2025	6,80%	12.580.000.000	12.580.000.000
24	CTGL2230007	70.000.000.000	70.000.000.000	Lãi	26/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	5,58%	3.906.000.000	3.906.000.000
25	CTGL2237008	40.000.000.000	40.000.000.000	Lãi	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	6,80%	2.720.000.000	2.720.000.000
26	CTGL2230009	50.000.000.000	50.000.000.000	Lãi	02/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	5,58%	2.790.000.000	2.790.000.000
27	CTGL2237010	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	19/08/2025	19/08/2025	19/08/2025	19/08/2025	6,90%	6.900.000.000	6.900.000.000
28	CTGL2230011	230.000.000.000	230.000.000.000	Lãi	23/08/2025	25/08/2025	25/08/2025	25/08/2025	5,58%	12.834.000.000	12.834.000.000
29	CTGL2237012	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	30/08/2025	01/09/2025	01/09/2025	01/09/2025	5,88%	5.880.000.000	5.880.000.000
30	CTGL2232013	90.000.000.000	90.000.000.000	Lãi	08/09/2025	08/09/2025	08/09/2025	08/09/2025	6,80%	6.120.000.000	6.120.000.000
31	CTGL2230014	3.000.000.000.000	-	Lãi	15/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	5,78%	173.400.000.000	173.400.000.000
32	CTGL2333001	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	29/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	7,60%	38.000.000.000	38.000.000.000
33	CTGL2333002	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	11/07/2025	11/07/2025	11/07/2025	11/07/2025	7,50%	7.500.000.000	7.500.000.000
34	CTGL2338003	400.000.000.000	400.000.000.000	Lãi	27/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	5,88%	23.520.000.000	23.520.000.000
35	CTGL2338004	1.015.000.000.000	1.015.000.000.000	Lãi	31/07/2025	31/07/2025	31/07/2025	31/07/2025	7,70%	78.155.000.000	78.155.000.000
36	CTGL2338005	385.000.000.000	385.000.000.000	Lãi	21/08/2025	21/08/2025	21/08/2025	21/08/2025	7,50%	28.875.000.000	28.875.000.000
37	CTGL2333006	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	28/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	5,98%	119.600.000.000	119.600.000.000
38	CTGL2333007	450.000.000.000	450.000.000.000	Lãi	10/11/2025	10/11/2025	10/11/2025	10/11/2025	7,10%	31.950.000.000	31.950.000.000

W

39	CTGL2331008	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	23/11/2025	24/11/2025	24/11/2025	5,58%	5.580.000.000	5.580.000.000
40	CTGL2331009	300.000.000.000	300.000.000.000	Lãi	30/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	5,88%	17.640.000.000	17.640.000.000
41	CTGL2331010	400.000.000.000	400.000.000.000	Lãi	06/12/2025	08/12/2025	08/12/2025	5,88%	23.520.000.000	23.520.000.000
42	CTGL2331011	800.000.000.000	800.000.000.000	Lãi	29/12/2025	30/12/2025	30/12/2025	5,88%	47.040.000.000	47.040.000.000
43	CTGL2331012	2.400.000.000.000	2.400.000.000.000	Lãi	29/12/2025	30/12/2025	30/12/2025	5,88%	141.120.000.000	141.120.000.000
44	CTGL2333013	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	29/12/2025	30/12/2025	30/12/2025	5,98%	59.800.000.000	59.800.000.000
45	CTGL2434001	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Lãi	05/07/2025	07/07/2025	07/07/2025	6,08%	182.400.000.000	182.400.000.000
46	CTGL2439002	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	09/07/2025	09/07/2025	09/07/2025	6,50%	65.000.000.000	65.000.000.000
47	CTGL2432003	400.000.000.000	400.000.000.000	Lãi	11/07/2025	11/07/2025	11/07/2025	5,88%	23.520.000.000	23.520.000.000
48	CTGL2439004	230.000.000.000	230.000.000.000	Lãi	17/07/2025	17/07/2025	17/07/2025	6,50%	14.950.000.000	14.950.000.000
49	CTGL2434005	320.000.000.000	320.000.000.000	Lãi	24/07/2025	24/07/2025	24/07/2025	6,08%	19.456.000.000	19.456.000.000
50	CTGL2432006	150.000.000.000	150.000.000.000	Lãi	02/08/2025	04/08/2025	04/08/2025	5,88%	8.820.000.000	8.820.000.000
51	CTGL2439007	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	06/08/2025	06/08/2025	06/08/2025	6,50%	6.500.000.000	6.500.000.000
52	CTGL2432008	250.000.000.000	250.000.000.000	Lãi	15/08/2025	15/08/2025	15/08/2025	5,78%	14.450.000.000	14.450.000.000
53	CTGL2432009	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	20/08/2025	20/08/2025	20/08/2025	5,88%	58.800.000.000	58.800.000.000
54	CTGL2439010	125.000.000.000	125.000.000.000	Lãi	23/08/2025	25/08/2025	25/08/2025	6,50%	8.125.000.000	8.125.000.000
55	CTGL2439011	850.000.000.000	850.000.000.000	Lãi	10/09/2025	10/09/2025	10/09/2025	6,50%	55.250.000.000	55.250.000.000
56	CTGL2434012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	11/09/2025	11/09/2025	11/09/2025	6,08%	121.600.000.000	121.600.000.000
57	CTGL2439013	900.000.000.000	900.000.000.000	Lãi	15/10/2025	15/10/2025	15/10/2025	6,50%	58.500.000.000	58.500.000.000
58	CTGL2439014	100.000.000.000	100.000.000.000	Lãi	28/10/2025	28/10/2025	28/10/2025	6,50%	6.500.000.000	6.500.000.000
59	CTGL2439015	400.000.000.000	400.000.000.000	Lãi	07/11/2025	07/11/2025	07/11/2025	6,50%	26.000.000.000	26.000.000.000
60	CTGL2432016	920.000.000.000	920.000.000.000	Lãi	03/12/2025	03/12/2025	03/12/2025	5,78%	53.176.000.000	53.176.000.000

Ghi chú: * Đối với trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế báo cáo theo số nguyên tệ;

**Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

***Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

***Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

b) Thông tin về hoàn thành việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu tại ngày đáo hạn:

W

- Ngày thống kê: 31/12/2025

c) Thông tin về chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu: không có

- Ngày thống kê: 31/12/2025

d) Thông tin về cập nhật thanh toán bổ sung/hoàn thành thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau khi chậm thanh toán: không có

- Ngày thống kê: 31/12/2025

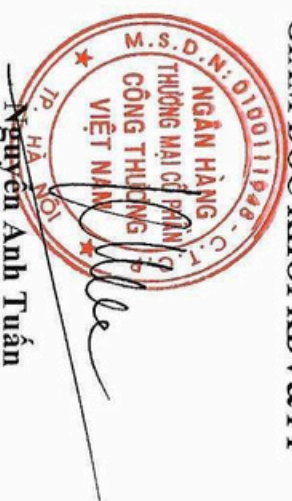
Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./

NGƯỜI LẬP BIỂU
PHÓ PHÒNG THỊ TRƯỞNG VỐN



Lê Thu Phương

ĐẠI DIỆN NH TMCP CÔNG THƯƠNG VN
GIÁM ĐỐC KHỐI KDV&TT



Nguyễn Anh Tuấn

